

Đ, ngày 26 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2025/TLST-VHNGĐ ngày 09/5/2025 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Bà Lê Thị Phương H, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố E, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Ông Đào Xuân T, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố E, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

(1) *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Phương H (bà H) và ông Đào Xuân T (ông T) đăng ký kết hôn ngày 11/5/2004 tại U, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tình yêu tự nguyện của hai bên. Quá trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau. Nay, bà H, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, bà H, ông T thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn hôn nhân giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H, ông T.

(2) *Về con chung*: Vợ chồng bà H, ông T có 03 con chung là các cháu: Đào Lê Đan T1, sinh ngày 21/01/2005, Đào Lê Đan T2, sinh ngày 27/4/2015 và cháu Đào Lê Đan T3, sinh ngày 10/9/2019. Khi ly hôn bà H, ông T thống nhất thỏa thuận giao cho bà Lê Thị Phương H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Đào Lê Đan T2, sinh ngày 27/4/2015 và cháu Đào Lê Đan T3, sinh ngày 10/9/2019. Ông Đào Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 6.000.000 đồng/ tháng/ 02 cháu (*Sáu triệu đồng trên tháng trên hai cháu*) kể từ

tháng 6 năm 2025 đến khi cháu Đào Lê Đan T2 và cháu Đào Lê Đan T3 thành niên, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân.

Đối với cháu Đào Lê Đan T1, sinh ngày 21/01/2005 đã thành niên có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên bà H, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(3) *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà H, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

(4) *Về lệ phí Tòa án*: Bà H, ông T thỏa thuận chịu 300.000 đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Phương H và ông Đào Xuân T thuận tình ly hôn.

Giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận kết hôn số: 51, Quyển số 01/2004 do U, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, cấp ngày 11/05/2004, chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (Ngày 26/5/2025).

1.2 Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Phương H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đào Lê Đan T2, sinh ngày 27/4/2015 và cháu Đào Lê Đan T3, sinh ngày 10/9/2019.

Ông Đào Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 6.000.000 đồng/ tháng/ 02 cháu (*Sáu triệu đồng trên tháng trên hai cháu*) kể từ tháng 6 năm 2025 đến khi cháu Đào Lê Đan T2 và cháu Đào Lê Đan T3 thành niên, có khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Sau khi ly hôn, ông Đào Xuân T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Phương H và ông Đào Xuân T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Phương H và ông Đào Xuân T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) lệ phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000082 ngày 08/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (Bà Lê Thị Phương H và ông Đào Xuân T đã nộp đủ lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- UBND Phường 5, TP Đông Hà;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tập dán án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Huyền